

Số: **148** /BVNHN-VTTBYT
V/v yêu cầu báo giá vật tư y tế, hóa
chất phục vụ cho chuyên môn năm
2026 của Bệnh viện Nhi Hà Nội.

Hà Nội, ngày **27** tháng **01** năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Bệnh viện Nhi Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá vật tư y tế, hóa chất phục vụ cho chuyên môn năm 2026 của Bệnh viện Nhi Hà Nội với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của Đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Hà Nội (Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội)

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bệnh viện Nhi Hà Nội; Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội; Lê Hoàng Nam (SĐT: 09.6739.6681)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại Văn thư - Bệnh viện Nhi Hà Nội; Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội; bản mềm qua email: vattunhihn@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Từ ngày 27 tháng 01 năm 2026 đến trước 16h30 ngày 05 tháng 01 năm 2026

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mua sắm (Phụ lục kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp giao hàng: Bệnh viện Nhi Hà Nội (Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội)

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Năm 2026

4. Báo giá chi tiết (Biểu mẫu kèm theo).

5. Các thông tin khác (nếu có)

- Đề nghị các công ty thực hiện lấy file mẫu, thực hiện lập báo giá qua hệ thống cổng thông tin điện tử của bệnh viện Nhi Hà Nội <https://nhihanoi.vn>.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- <https://chaogiattby.t.moh.gov.vn>;
- <https://nhihanoi.vn>;
- <https://muasamcong.mpi.gov.vn>;
- Lưu: VT, VTTBYT. 

GIÁM ĐỐC 



Ngô Quang Hùng

Phụ lục

(Kèm theo Công văn số **148** /BVNHN-VTTBYT ngày **27** / **01** /2026
của Bệnh viện Nhi Hà Nội)

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I. Vật tư dùng cho thận nhân tạo					
1	Acid Citric	- Acid Citric (C ₆ H ₈ O ₇ .H ₂ O) - Quy cách: Bao 25kg	Bao	10	
2	Quả lọc siêu sạch	- Chất liệu màng: Polysulfone. - Diện tích màng (m ²): 2.2 - Chất liệu vỏ Polypropylene - Chất liệu 2 đầu (nắp): Polyurethane - Thông số lọc: 5 mL/min mm HG (3,75L/min bar; max. 2 bar) - Dùng cho máy thận nhân tạo Fresenius.	Quả	10	
3	Catheter lọc máu 2 nồng 6.5 Fr	- Catheter nguyên liệu Tecoflex, dẫn dây nitinol phủ PTFE. - Thiết kế đầu catheter dạng bậc thang. - Tốc độ dòng truyền cao (lên tới 150 ml/ph ở áp lực 250 mmHg) - Bộ bao gồm: 1 catheter 6.5 F chiều dài 100 mm/ 125 mm, 1 cây nồng 6 F, 1 cây nồng 7 F, 1 dây dẫn đường J nitinol phủ PTFE, 1 kim dẫn đường 20 G, 2 nút chặn kim luồn. - Tiệt trùng EO, không Phthalat, không latex.	Cái	150	
4	Catheter siêu lọc máu dòng truyền cao 2 nồng 13 Fr các cỡ loại dài	- Catheter nguyên liệu Tecoflex, dẫn dây nitinol phủ PTFE - Thiết kế đầu catheter dạng bậc thang - Thanh chèn stylet bên trong nồng xa hỗ trợ luồn. - Tốc độ dòng truyền cao (lên tới 350 ml/ ph ở áp lực 250 mmHg) - Thể tích mỗi A: 1.45 ml, V: 1.48 ml (catheter 13 F) - Bộ bao gồm: 1 catheter 13 F chiều dài 150 mm/ 200 mm, 1 cây nồng 12 F x 150 mm, 1 dây dẫn đường J, 1 kim dẫn đường 18 G, 2 nút chặn kim luồn. - Tiệt trùng EO, không Phthalat, không latex.	Cái	50	
5	Catheter siêu lọc máu dòng truyền cao 2 nồng 13 Fr các cỡ loại ngắn	- Catheter nguyên liệu Tecoflex, dẫn dây nitinol phủ PTFE - Thiết kế đầu catheter dạng bậc thang. - Tốc độ dòng truyền cao (lên tới 350 ml/ ph ở áp lực 250 mmHg) - Thể tích mỗi A: 1.45 ml, V: 1.48 ml (catheter 13 F) - Bộ bao gồm: 1 catheter 13 F chiều dài 150 mm/ 200 mm, 1 cây nồng 12 F x 150 mm, 1 dây dẫn đường J, 1 kim dẫn	Cái	50	

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		đường 18 G, 2 nút chặn kim luồn. - Tiệt trùng EO, không Phthalat, không latex.			
II. Vật tư khoa Xét nghiệm					
1	Bộ kit Realtime PCR phát hiện Sởi	- Bộ xét nghiệm định lượng cho phép khuếch đại RNA vùng gen N3 trên virus Measles, để phát hiện và định lượng RNA đích. *Mẫu phân tích: huyết thanh, nước tiểu. *Thành phần: Enzyme mMix, MeV probe Mix, RNA tổng hợp tương ứng với vùng N3 100,000-10,000-1,000-100 cps/ μ L, Internal control, Negative Control. *Độ đặc hiệu: 100%. * Kit đã bao gồm chứng nội. - Nhà thầu trúng thầu vật tư, hóa chất mang thiết bị đến sử dụng.	Test	3,000	
2	Cuvet	- Cuvet dùng để pha loãng mẫu dành cho các xét nghiệm Elisa sử dụng trên hệ thống máy tự động.	Cái	30,000	
3	Đầu côn 300 μ l	- Đầu cone - đầu côn dẫn điện hút hóa chất và mẫu dành cho các xét nghiệm ELISA - Chất liệu: Nhựa - Thể tích: 300 μ l - Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn	Cái	30,000	
4	Đầu côn nhựa 1100 μ l	- Đầu cone - đầu côn dẫn điện hút hóa chất và mẫu dành cho các xét nghiệm ELISA - Chất liệu: Nhựa - Thể tích: 1100 μ l - Có thể sử dụng trên hệ thống máy tự động hoàn toàn	Cái	80,000	
5	Formol đậm trung tính	- Dung dịch đậm 4% fomaldehyde (thường được đặt tên là formalin đậm 10%) là chất cố định được sử dụng trong mô bào học và hóa mô miễn dịch. - Formaldehyde - Methyl alcohol - Sodium hydrogenphosphate dihydrate - Sodium phosphate monobasic monohydrate - Nước khử ion - pH 7 +/- 0,1	Lít	30	
6	Miếng lót bệnh phẩm	- Đệm xốp dùng một lần để xử lý và đưa vào các mẫu sinh thiết và giải phẫu có kích thước nhỏ. - Kích thước: 26x31 ($\pm$ 1) mm	Túi	5	

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Màu: Xanh. - Quy cách: Túi 1000 cái			
7	Gói ngoại kiểm Định nhóm máu	- Tần suất phân tích: 3 tháng/lần. * Thông số phân tích (02 thông số): 1, Xác định nhóm máu hệ ABO 2, Xác định nhóm máu hệ Rh(D)	Mẫu	24	
8	Gói ngoại kiểm Vi sinh	- Tần suất phân tích: 4 lần/năm, mỗi lần 6 mẫu. * Thông số phân tích (03 thông số): 1, Nhuộm soi vi khuẩn 2, Nuôi cấy và định danh vi khuẩn 3, Kháng sinh đồ	Mẫu	24	
9	Hóa chất nội kiểm xét nghiệm nước tiểu người mức 1	- Dạng lỏng sử dụng ngay, 100% Nước tiểu người, >15 thông số xét nghiệm. Ổn định đến hạn tại 2- 8°C. Mức trung bình	Hộp	3	
10	Hóa chất nội kiểm xét nghiệm nước tiểu người mức 2	- Dạng lỏng sử dụng ngay, 100% Nước tiểu người, >15 thông số xét nghiệm. Ổn định đến hạn tại 2- 8°C. Mức nồng độ cao	Hộp	3	
11	Ống PCR 0.1mL	- Strip PCR 8 ống 0.1mL cho phản ứng PCR, Real-time PCR có màu trắng đục - Có nắp kèm theo tương ứng.	Ống	40.000	
12	Mực đánh dấu	- Mục tiêu: Sản phẩm dùng để chuẩn bị các mẫu mô học tế bào cho việc quan sát dưới kính hiển vi quang học. Đánh dấu bờ phẫu thuật. - Thời gian khô ở nhiệt độ phòng: 2-3 phút. - Hộp đựng chính: hộp đựng bằng nhựa PP màu trắng. - Nhãn: Nhãn PVC chịu mài mòn, nước, cồn và dung môi. - Mực chống xước có khả năng chống nước và cồn. - Quy cách: Lọ 15 ml	Lọ	3	
13	Ống nghiệm Heparin Lithium 2ml	- Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm (sai số $\pm 10\%$) - Nắp bằng nhựa LDPE màu đen. - Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium - Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2 ml riêng biệt trên nhãn ống.	Ống	28,000	
14	Ống nghiệm nhựa tách huyết thanh	- Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE - Nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống, dùng các hạt bi nhựa để tách nhanh huyết thanh. - Kích thước ống 12x75mm (sai số $\pm 10\%$), có vạch định mức	Ống	26,000	

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm ≥ 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút.			
15	Ống nghiệm nhựa có nắp phi 16mm, dài 100mm	- Ống nghiệm nhựa có nắp phi 16mm, dài 100mm - Chất liệu: Nhựa hoặc tương đương. Kích thước 16x100mm (sai số $\pm 10\%$), chịu được lực quay ly tâm ≥ 6000 RPM. Có nắp	Ống	6,000	
16	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm bán định lượng các thông số nước tiểu	- Thành phần: nước tiểu người, dạng lỏng. Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi - Ổn định 30 ngày sau khi mở nắp tại 2- 25 ° C - Tương thích với máy nước tiểu Urilyzer 500 Pro - Quy cách: Hộp 12 lọ x 12 ml	Hộp	5	
17	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm bán định lượng các thông số nước tiểu	- Thành phần: nước tiểu người, dạng lỏng. Có thể sử dụng cho cả xét nghiệm bằng que nhúng nước tiểu và máy phân tích nước tiểu sử dụng kính hiển vi - Ổn định 30 ngày sau khi mở nắp tại 2- 25 ° C - Tương thích với máy nước tiểu Urilyzer 500 Pro - Quy cách: Hộp 12 lọ x 12 ml	Hộp	5	
18	Khay thử xét nghiệm combo định tính kháng nguyên SARS-CoV-2, cúm A, cúm B, RSV và ADV...	- Khay thử xét nghiệm định tính các kháng nguyên của SARS-CoV-2, cúm A, cúm B, virus hợp bào hô hấp (RSV) và adenovirus trong mẫu dịch ngoáy mũi trước, ngoáy mũi họng hoặc ngoáy họng của người. Dạng khay. - SARS-CoV-2: Độ nhạy $\geq 97,00\%$, Độ đặc hiệu $\geq 99,4\%$, Độ chính xác $\geq 98.8\%$ - Cúm A: Độ nhạy $\geq 97.00\%$; Độ đặc hiệu $\geq 99.14\%$; Độ chính xác $\geq 98.6\%$ - Cúm B: Độ nhạy $\geq 97.00\%$; Độ đặc hiệu $\geq 99.00\%$; Độ chính xác $\geq 98.6\%$ - RSV: Độ nhạy $\geq 98.00\%$, Độ đặc hiệu $\geq 98.8\%$, Độ chính xác $\geq 98.6\%$ - Adenovirus: Độ nhạy $\geq 98.00\%$, Độ đặc hiệu $\geq 98.8\%$, Độ chính xác $\geq 98.6\%$... - Hạn sử dụng ≥ 6 tháng kể từ khi giao hàng - Các chất gây nhiễu thông thường trong mẫu, như máu, chất nhầy, mủ, không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, EU CFS. - Có IVD	Test	10,000	

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
19	Giấy đo PH	- Thang đo pH: 1 – 14 - Độ chia/khoảng cách đo: 1 đơn vị pH Dạng: xấp/tờ - Phương pháp đọc kết quả: so màu trực quan - Có bảng màu chuẩn đi kèm để đối chiếu kết quả - Hạn sử dụng ≥ 6 tháng kể từ khi giao hàng	Tờ	8,000	
20	Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính ái lực của kháng thể IgG kháng cytomegalovirus (CMV)	- Mục đích: xác định ái lực của các kháng thể IgG kháng Cytomegalovirus trong huyết thanh, huyết tương. - Phù hợp với máy miễn dịch Cobas Pro	Test	900	
21	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính ái lực của kháng thể IgG kháng cytomegalovirus (CMV)	- Mục đích: được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch định tính ái lực của kháng thể IgG kháng cytomegalovirus (CMV). - Phù hợp với máy miễn dịch Cobas Pro	ml	24	
22	Hoá chất định lượng HSV 1+2 IgM miễn dịch	- Xét nghiệm dùng trong chẩn đoán In Vitro và dùng để định lượng HSV 1+2 IgM tồn tại trong huyết thanh hoặc huyết tương người - Kỹ thuật Xét nghiệm: Phương pháp ELISA - Loại bệnh phẩm: huyết thanh hoặc huyết tương - Có IVD. Phù hợp với máy ELISA Gemini/ Mango4S	Test	900	
23	Hoá chất xét nghiệm ANA Screen	- Xét nghiệm dùng trong chẩn đoán In Vitro và dùng để xác định kháng thể kháng nhân trong huyết thanh hoặc huyết tương người - Kỹ thuật Xét nghiệm: Phương pháp ELISA - Có IVD. Phù hợp với máy ELISA Gemini/ Mango4S	Test	1,000	
24	Hoá chất xét nghiệm Aspergillus Galactomannan Ag	- Xét nghiệm dùng trong chẩn đoán In Vitro và dùng để xác định tồn tại Aspergillus Galactomannan Ag - Kỹ thuật Xét nghiệm: Phương pháp ELISA - Có IVD. Phù hợp với máy ELISA Gemini/ Mango4S	Test	1,000	
25	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng các thông số hoá sinh thường quy	- Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm hoá sinh mức nồng độ 3 - Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô - Bao gồm hơn 70 thông số xét nghiệm hoá sinh thường quy phổ biến. Có các giá trị tham chiếu cho các máy phân tích tự động phổ biến. - Sau khi hoàn nguyên có thể ổn định trong 7 ngày khi bảo quản ở 2-8°C với hầu hết các chất phân tích	Hộp	2	

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
26	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy	- Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 1 - Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô - Bao gồm hơn 50 thông số xét nghiệm miễn dịch thường quy phổ biến (Vancomycin, 1- 25-(OH)2 - Vitamin D, 25- OH- Vitamin D, α-Fetoprotein (AFP), Cortisol...). Có các giá trị tham chiếu cho các máy phân tích tự động phổ biến - Sau khi hoàn nguyên có thể ổn định trong 7 ngày khi bảo quản ở 2-8°C với hầu hết các chất phân tích	Hộp	2	
27	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy	- Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 2 - Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô - Bao gồm hơn 50 thông số xét nghiệm miễn dịch thường quy phổ biến (Vancomycin, 1- 25-(OH)2-Vitamin D, 25- OH- Vitamin D, α-Fetoprotein (AFP), Cortisol...). Có các giá trị tham chiếu cho các máy phân tích tự động phổ biến - Sau khi hoàn nguyên có thể ổn định trong 7 ngày khi bảo quản ở 2-8°C với hầu hết các chất phân tích	Hộp	2	
28	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy	- Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy mức nồng độ 3 - Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô - Bao gồm hơn 50 thông số xét nghiệm miễn dịch thường quy phổ biến (Vancomycin, 1- 25-(OH)2- Vitamin D, 25- OH- Vitamin D, α-Fetoprotein (AFP), Cortisol...). Có các giá trị tham chiếu cho các máy phân tích tự động phổ biến - Sau khi hoàn nguyên có thể ổn định trong 7 ngày khi bảo quản ở 2-8°C với hầu hết các chất phân tích	Hộp	2	
29	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng xét nghiệm protein đặc biệt mức 1	- Mẫu nội kiểm dùng kiểm chuẩn xét nghiệm protein đặc hiệu nồng độ thấp bao gồm: α-1-Acid Glycoprotein, α-1-Antitrypsin, α-2-Macroglobulin, Anti-Streptolysin O (ASO), b-2-Microglobulin, Ceruloplasmin, Complement C3, Complement C4, CRP, Ferritin, Haptoglobin, Immunoglobulin A (IgA), Immunoglobulin E (IgE), Immunoglobulin G (IgG), Immunoglobulin M (IgM), Kappa Light Chain, Lambda Light Chain, Lambda Light Chain (Free), Prealbumin, Rheumatoid Factor (RF), Transferrin...	Hộp	10	
30	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng xét nghiệm protein đặc biệt mức 2	- Mẫu nội kiểm dùng kiểm chuẩn xét nghiệm protein đặc hiệu nồng độ trung bình bao gồm: α-1-Acid Glycoprotein, α-1-Antitrypsin, α-2-Macroglobulin, Anti-Streptolysin O (ASO),	Hộp	10	

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		b-2-Microglobulin, Ceruloplasmin, Complement C3, Complement C4, CRP, Ferritin, Haptoglobin, Immunoglobulin A (IgA), Immunoglobulin E (IgE), Immunoglobulin G (IgG), Immunoglobulin M (IgM), Kappa Light Chain, Lambda Light Chain, Lambda Light Chain (Free), Prealbumin, Rheumatoid Factor (RF), Transferrin...			
31	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng xét nghiệm protein đặc biệt mức 3	- Mẫu nội kiểm dùng kiểm chuẩn xét nghiệm protein đặc hiệu nồng độ bao gồm: α -1-Acid Glycoprotein, α -1-Antitrypsin, α -2-Macroglobulin, Anti-Streptolysin O (ASO), b-2-Microglobulin, Ceruloplasmin, Complement C3, Complement C4, CRP, Ferritin, Haptoglobin, Immunoglobulin A (IgA), Immunoglobulin E (IgE), Immunoglobulin G (IgG), Immunoglobulin M (IgM), Kappa Light Chain, Lambda Light Chain, Lambda Light Chain (Free), Prealbumin, Rheumatoid Factor (RF), Transferrin...	Hộp	10	
32	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 7 thông số xét nghiệm tim mạch mức 1	- Mẫu nội kiểm dạng đông khô, kiểm chuẩn xét nghiệm sinh hóa tim mạch mức nồng độ thấp bao gồm các thông số thông số: CK (Total); CK-MB; Homocysteine; Myoglobin; Troponin T; Troponin I...	Hộp	6	
33	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 7 thông số xét nghiệm tim mạch mức 2	- Mẫu nội kiểm dạng đông khô, kiểm chuẩn xét nghiệm sinh hóa tim mạch mức nồng độ trung bình bao gồm các thông số thông số: CK (Total); CK-MB; Homocysteine; Myoglobin; Troponin T; Troponin I...	Hộp	6	
34	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 7 thông số xét nghiệm tim mạch mức 3	-Mẫu nội kiểm dạng đông khô, kiểm chuẩn xét nghiệm sinh hóa tim mạch mức nồng độ cao bao gồm các thông số thông số: CK (Total); CK-MB; Homocysteine; Myoglobin; Troponin T; Troponin I...	Hộp	6	
35	Calibration hóa sinh	- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn: UKAS, CE, ISO 13485:2003, CE, FDA. - Dạng đông khô, bảo quản 2-8°C, dùng để hiệu chuẩn các xét nghiệm sinh hóa - Bao gồm: Calibration (CAL 2) Calibration (CAL 3) - Bao gồm ≥ 40 thông số hoá sinh.	ml	50	
36	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hoá nước tiểu	- Chất kiểm chứng dạng lỏng được sản xuất từ vật liệu có nguồn gốc từ con người dùng cho các xét nghiệm nước tiểu. Sản xuất từ chất nền là nước tiểu người có thêm amylase nước bọt của người, hCG có nguồn gốc từ nước tiểu người, albumin của người và bò, chất bảo quản và chất ổn định	ml	50	

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
37	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm sinh hoá dịch não tủy	- Chất kiểm chứng được sản xuất từ một vật liệu kiểm soát ổn định chất lỏng được điều chế từ huyết thanh người, dùng cho các xét nghiệm sinh hóa trong mẫu dịch não tủy. Mức độ chất phân tích được điều chỉnh với các hóa chất tinh khiết khác nhau. Chất bảo quản và chất ổn định được thêm vào để duy trì tính toàn vẹn của sản phẩm.	ml	50	
38	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol, CO2.	ml	30	
39	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng RF	- Thành phần: Glycine buffer (pH 8,0) 170 mmol/L; Latex phủ IgG người < 0,5%; Phương pháp: Đo độ đục miễn dịch; Dải tuyến tính: 10–120 IU/mL; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 10,0% Độ chụm toàn phần: CV ≤ 10,0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test	ml	256	
40	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng IgG	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng IgG; Thành phần: Đệm Tris (pH 7,2) 48 mmol/L; Polyethylen glycol 6000 3,1%; Kháng thể (dê) kháng IgG; Phương pháp: Miễn dịch đo độ đục; Dải tuyến tính: Huyết thanh: 0,75 – 30,0 g/L (75 – 3000 mg/dL), Dịch não tủy: 20 – 500 mg/L (2,0 – 50 mg/dL); Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, dịch não tủy; Độ lặp lại: ≤ 6,0%; Độ chụm thành phần ≤ 10%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test	ml	336	
41	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm Vancomycin	- Thành phần: vancomycin, dung dịch đệm, natri azit 0,09%, pH 5,0.; Chất hiệu chuẩn 6 mức nồng độ Vancomycin: 0, 5, 10, 20, 30, 50 µg/mL	ml	60	
42	Vật liệu kiểm soát Vancomycin	- Vật liệu kiểm soát 54 thông số xét nghiệm miễn dịch bao gồm chất chỉ điểm khối u, thuốc điều trị và các xét nghiệm miễn dịch thông thường; Sản phẩm được cung cấp ở dạng đông khô; Thành phần: 100% huyết thanh người; Chứa các thông số chỉ điểm khối u thường quy: AFP, CA15-3, CA19-9, CA-125, CEA, PSA, Free-PSA	ml	30	
43	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa nước tiểu thường quy	- Thành phần: Nước tiểu người chứa Amylase, Canxi, Glucose, Phospho vô cơ, Urea, Axit Uric, Creatinine, Magnesi; Các giá trị hiệu chuẩn được xác định sử dụng các quy trình đã được chuẩn hóa	ml	50	
44	Micropipette đơn kênh dung tích: 100-1000ul	- Micropipette đơn kênh thể tích thay đổi từ 100 – 1000 µL - Độ chính xác tương ứng ở 1000µl là ± 6µl (±0.6%) - Sai số tương ứng ở 1000µl là ± 2µl (±0.2%)	Cái	6	
45	Micropipette đơn kênh dung tích: 20-200ul	- Micropipette đơn kênh thể tích thay đổi từ 20- 200µL - Độ chính xác tương ứng ở 200µl là ±1.2µl (±0.6%)	Cái	6	

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Sai số tương ứng ở 200µl là $\pm 0.3\mu\text{l}$ ($\pm 0.15\%$).			
46	Micropipette đơn kênh dung tích: 10-100ul	- Micropipette đơn kênh thể tích thay đổi từ 10- 100µL - Độ chính xác tương ứng ở 100µl là $\pm 0.8\mu\text{l}$ ($\pm 0.8\%$) - Sai số tương ứng ở $\pm 100\mu\text{l}$ là $0.15\mu\text{l}$ ($\pm 0.15\%$)	Cái	5	
47	Micropipette đơn kênh dung tích: 0.5-10ul	- Micropipette đơn kênh thể tích thay đổi từ 0.5- 10 µL - Độ chính xác tương ứng ở 10 µl là $\pm 0.1\mu\text{l}$ ($\pm 1\%$) - Sai số tương ứng ở 10µl là $0.04\mu\text{l}$ ($\pm 0.4\%$)	Cái	3	
48	Micropipette đơn kênh dung tích: 2-20ul	- Micropipette đơn kênh thể tích thay đổi từ 2- 20 µL - Độ chính xác tương ứng ở 20µl là $\pm 0.2\mu\text{l}$ ($\pm 1.0\%$) - Sai số tương ứng ở 20µl là $0.06\mu\text{l}$ ($\pm 0.3\%$)	Cái	5	
49	Ấm kế nhiệt kế thường	- Màu sắc : màu trắng - Hình dạng: hình tròn - Thiết bị hình tròn Ø 20 cm - Giá trị vạch chia: 20C (nhiệt độ), 5% (độ ẩm) - Khoảng đo: -20 - 40C (nhiệt độ), 10 - 90% (độ ẩm) - Độ chính xác nhiệt độ: ± 1 độ C - Độ chính xác độ ẩm: $\pm 2\%$ - Trọng lượng: 230 gam - Kích thước sản phẩm: 182 x 32mm.	Cái	20	
50	Bể nhuộm tiêu bản	- Bộ sản phẩm được làm bằng nhựa. Cấu trúc này chống lại axit và dung môi.Được làm bằng PET (polyethylene terephthalate) chống axit, dung môi và nhiệt độ cao. Tay cầm được thiết kế đặc biệt để cầm nắm tốt hơn và cho phép đóng hoàn toàn đĩa trong quá trình sử dụng, tránh thuốc thử bị bay hơi	Cái	14	
51	Giá nhuộm tiêu bản	- Giò đựng slide bằng nhựa cho 25 slide.Được làm bằng PET (polyethylene terephthalate) chống axit, dung môi và nhiệt độ cao, cho 25 slide. Tay cầm được thiết kế đặc biệt để cầm nắm tốt hơn và cho phép đóng hoàn toàn đĩa trong quá trình sử dụng, tránh thuốc thử bị bay hơi.	Cái	2	
III. Vật tư y tế khác					
1	Cồn tuyệt đối	- Chất lỏng, không màu, Ethanol 99.9% - Quy cách: Chai 1 lít	Chai	150	
2	Đầu đo huyết áp động mạch liên tục xâm lấn	- Dây cáp đo huyết áp động mạch xâm lấn. - Phạm vi đo huyết áp: -50 to +300 mm Hg - Nhiệt độ hoạt động: 15° to 40°C - Độ nhạy: 5.0µ V/V/mm Hg $\pm 1\%$ - Quá áp cho phép: -500 tới +5000 mm Hg	Cái	100	

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
3	Dung dịch sát khuẩn bề mặt	- Hoạt chất: Didecyl dimethyl ammonium chloride (DDAC) 0,1% (w/w), Poly(hexamethylenebiguanide) hydrochloride (PHMB) 0,1 % (w/w), Ethanol 30% (w/w). - Chất hoạt động bề mặt: Fatty Alcohol Ethoxylate,... - Chất chống ăn mòn. - Nước tinh khiết. Đạt hiệu quả vi sinh sau 1 phút tiếp xúc - Quy cách: Can 5 lít	Can	350	
4	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	- Thông số kỹ thuật: Hoạt chất: Ethanol 73,5% (w/w), Isopropanol 2,5% (w/w), Chlorhexidine digluconate 0,5% (w/w). - Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic triglyceride, Isopropyl myristate, Olive Oil PEG-7 Esters... - Chất tạo màu, hương liệu. - Hàm lượng Methanol: ≤ 2000 (mg/l)	Can	450	
5	Mũ giấy phẫu thuật vô trùng	- Được sản xuất từ vải không dệt PP (trọng lượng 14g/m²) - Màu xanh hoặc trắng, không thấm nước, không độc - Dây thun 2 sợi mềm - Chiều dài: 21cm $\pm$ 2cm - Chiều rộng: 2,3cm $\pm$ 0.5cm - Đường kính khi mở vòng đầu: 48cm - Sản phẩm tiệt trùng bằng khí E.O	Cái	10,000	
6	Sáp cầm máu xương	- Sáp cầm máu cho xương gồm sáp ong trắng, paraffin cứng, Isopropyl Palmitate. Mỗi gói chứa 2.5g. Tiệt trùng bằng bức xạ gamma.	Miếng	24	
7	Vật liệu cầm máu dạng lưới, tự tiêu 5cm x 7.5cm	- Vật liệu cầm máu oxy hóa gốc cellulose (oxidized cellulose) có thể phân hủy sinh học, hấp thụ sinh học trong vòng từ 4-14 ngày và tương thích sinh học. Tiệt trùng bằng tia bức xạ. Kích thước 5cm x 7cm	Miếng	24	
8	Kẹp cầm máu (Hemoclip), sử dụng 1 lần.	- Kẹp cầm máu liền cán, sử dụng 1 lần. - Góc ngàm 135 độ. - Loại có thể xoay 360 độ và đóng mở nhiều lần. - Đường kính kẹp tối đa 2.6mm. - Tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm. - Chiều dài làm việc 2300mm.	Cái	200	

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
9	Khí Argon sử dụng trong điều trị vết thương	* Thành phần: - Bao gồm Argon độ tinh khiết 99,9995% - H₂O < 3 ppm; N₂ < 5 ppm; Oxygen < 2ppm * Bình chứa: - Áp suất an toàn của bình chứa: 225 Bar - Áp suất làm việc tối đa: 150 Bar - Áp suất khí nén khi đầy: 130Bar - Thể tích khí trong bình (Khi giải nén): 1.040 lít - Nhà thầu trúng thầu vật tư hóa chất mang thiết bị đến sử dụng.	Bình	30	
10	Khí Oxy 10 lít	- Chất lượng y tế $\geq 99,6\%$, dung tích bình 10 lít, áp suất nạp tối đa 150 at, áp suất sử dụng ≥ 135 at. - Khí Oxy y tế đóng bình 10 lít.	Bình	400	
11	Bộ dây thở sơ sinh dùng nhiều lần	- Bao gồm: 01 đoạn dây dài 130cm; 03 đoạn dây dài 60cm; các đầu cắt kết nối và bẫy nước. - Có dây gia nhiệt đi kèm có chức năng làm ấm đường khí thở - Vật liệu silicone bền bỉ, sử dụng được nhiều lần - Sử dụng cho bệnh nhân sơ sinh.	Cái	6	
12	Cảm biến SPO2 dùng cho trẻ em	- Cảm biến SpO2 chuẩn TruSignal cho trẻ em Mới 100%. - Chiều dài: 1m (3.3 ft) - Tương thích với máy theo dõi bệnh nhân của Hãng GE Heathcare	Cái	10	
13	Cảm biến SPO2 dùng cho trẻ sơ sinh	- Cáp kết nối SpO2 chất lượng cao, có bọc cách điện. Sử dụng 1 lần. Dễ dàng kết nối và ngắt kết nối. Chiều dài: 0.3m (1ft). Sử dụng cho trẻ em từ 3kg đến 20kg. - Tương thích với máy theo dõi bệnh nhân của Hãng GE Heathcare	Cái	10	
14	Bình đựng nước cho bình làm ấm ẩm	- Đường kính đầu kết nối: 22mm. Dung tích chứa nước: 150 ml - Vật liệu bền có thể hấp: Polysulfone. - Dễ dàng lắp đặt - Có phao chống tràn nước.	Cái	10	
15	Đầu phun khí dung	- Đầu phun sử dụng cho 1 bệnh nhân. - Sử dụng công nghệ màng phun dao động điện – màng rung đục 1000 lỗ nhỏ, dao động với tần số 128 000 lần/giây.	Cái	10	
16	Dây cáp nối khí dung cho máy thở	- Kết nối chuẩn với máy thở xâm nhập và không xâm nhập của hãng GE Healthcare Model: R860 và đầu phun khí dung - Chiều dài cáp nối: ≥ 1.8m	Cái	01	

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
17	Đầu nối chữ T dùng cho bộ dây thở dùng 1 lần	- Co chữ T loại dùng 1 lần cho máy phun khí dung. - Đường kính kết nối với dây thở: 22mm/15mm/10mm	Cái	10	
18	Nẹp hàm thẳng 8 lỗ cho vít 2.0mm	- Đường kính 2.0mm, chiều dài từ 4mm đến 11mm, đường kính mũ vít 3.0mm, tự khoan, tự taro. Thân vít có rãnh cắt giúp vít tiêu chuẩn có thể tự khoan, để tăng độ bám chắc của vít vào tua vít. Được làm từ chất liệu Titanium alloy	Cái	20	
19	Vít mini titan hàm mặt 2.0 mm	- Đường kính 2.0mm, chiều dài từ 4mm đến 11 mm, đường kính mũ vít 3.0mm, tự khoan, tự taro. Thân vít có rãnh cắt giúp vít tiêu chuẩn có thể tự khoan, để tăng độ bám chắc của vít vào tua vít. Được làm từ chất liệu Titanium alloy	Cái	160	
20	Buồng làm ấm loại dùng nhiều lần	- Đường kính đầu kết nối: 22mm - Dung tích chứa nước: 150 ml - Vật liệu bền có thể hấp: Polysulfone - Dễ dàng lắp đặt - Tổng quan sản phẩm - Đóng gói sản phẩm cẩn thận. - Có phao chống tràn nước	Cái	10	
21	Buồng làm ấm ẩm có kiểm soát nhiệt	- Kích thước: Rộng 135 x Dày 170 x Cao 156 mm - Điện áp: Nguồn cung cấp: 230±23V hoặc 115±12V (50/60Hz, Công suất dây nhiệt: tối đa 60W, công suất của tấm nhiệt: tối đa 150W, 110 độ C) - Quá nhiệt của tấm nhiệt: 115±3 độ C * Nhiệt độ điều khiển: Dải nhiệt độ cài đặt: 1. Đường thở: 31 – 40 độ C 2. Buồng làm ấm: 31 – 40 độ C giới hạn bởi +2 đến – 5 độ C * Cảnh báo thông số: 1. Đường thở: Cảnh báo mức cao/ cảnh báo mức thấp 2. Buồng làm ấm: Cảnh báo mức cao/ cảnh báo mức thấp * Phụ kiện: 1. Đầu dò nhiệt độ 2. Đầu kết nối dây ra nhiệt	Cái	3	
IV. Công cụ dụng cụ khoa Da liễu					
1	Đèn led soi da nặn mụn	- Loại ánh sáng: LED trắng lạnh - Số lượng bóng LED: 120 bóng - Tích hợp: kính lúp phóng đại - Nguồn điện: 220V - Ứng dụng: Spa, thẩm mỹ viện, điều trị da, phun xăm, chăm sóc da	Cái	1	

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
2	Đèn wood dùng trong điều trị da liễu	- Nguồn sáng: Ánh sáng tia UVA + Ánh sáng trắng - Bước sóng UVA: 320nm-400nm (đỉnh 365nm $\pm$ 10nm) - Tuổi thọ của đèn LED $\geq$ 3000 giờ - Cường độ đầu ra 0,6 - 2,5 mW/ cm² - Chống bụi nước IP22 - Số lần phóng đại ống kính trực quan: 2 lần $\pm$ 20%	Cái	1	
3	Máy xông hơi 2 cần	- Gồm thân máy (vòi nóng, vòi lạnh, bình đựng dung dịch) và trụ đỡ máy (tùy chỉnh cao thấp) - Có thể sử dụng đồng thời 2 đầu vòi cùng 1 lúc.	Máy	1	
4	Giường thủ thuật	- Kích thước 700*1.900*650 mm - Chịu lực tốt - Chất liệu: Gỗ - Đệm: Độ dày 100 mm	Bộ	2	

Mẫu báo giá

(Công ty, Địa chỉ, MST:, Số Điện thoại liên hệ:.....)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Hà Nội

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nhi Hà Nội, chúng tôi *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho hàng hóa như sau:

1. Báo giá:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS (nếu có)	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)	Kết quả trúng thầu trong thời gian 12 tháng (nếu có)
1	Thiết bị A												
2	Thiết bị B												
n	...												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi ngàytháng....năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng.....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

